TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2023/DS-ST
Ngày: 13-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành

2. Ông Hoàng Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T

Địa chỉ: Số 5 đường số 32, khu phố 1, phường Tân Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Ngọc V, sinh năm 1981 (Giấy ủy quyền số 157/UQ-QTD ngày 20/7/2022 của Quỹ tín dụng nhân dân T).

Địa chỉ: Số 47/3 đường Bông S, Phường 5, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 11, đường số 85, tổ 3, khu phố 1, phường Tân Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Bùi Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Trương Thị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2022 của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T và quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/7/2020, bà Trương Thị T có ký Hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn số: l-0003830/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân T để vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; mục đích vay để sắm vật dụng gia đình và hàng nội thất. Thời hạn vay là 01 năm; lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng vay là 11,558%/năm. Hình thức trả nợ vay: Trả lãi và gốc hàng tuần.

Thực hiện hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân T đã giải ngân cho bà Trương Thị T nhận đủ số tiền vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trương Thị T đã vi phạm thời hạn vay, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 1-0003830/HĐTD ngày 18/7/2020. Tạm tính đến hết ngày 13/9/2023, bà Trương Thị T còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền là 12.551.000 đồng (trong đó nợ gốc 4.571.600 đồng; lãi trong hạn 1.607.400 đồng; lãi quá hạn 5.368.000 đồng; lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 1.004.000 đồng).

Do bà Trương Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, nên Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 13/9/2023 là 12.551.000 đồng (trong đó nợ gốc 4.571.600 đồng; lãi trong hạn 1.607.400 đồng; lãi quá hạn 5.368.000 đồng; lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 1.004.000 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Trương Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ dư nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

Đối với bị đơn bà Trương Thị T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Trương Thị T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T; giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2), nhưng bà T vẫn không có mặt theo giấy triệu tập, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và bà T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Bùi Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 13/9/2023 là

12.551.000 đồng (trong đó nợ gốc 4.571.600 đồng; lãi trong hạn 1.607.400 đồng; lãi quá hạn 5.368.000 đồng; lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 1.004.000 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Trương Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ dư nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

Bị đơn bà Trương Thị T được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Người đại diện của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quỹ tín dụng nhân dân T khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị T phải trả các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: l-0003830/HĐTD ngày 18/7/2020. Xét đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về đương sự trong vụ án: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2022 của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Quỹ tín dụng nhân dân T không yêu cầu Tòa án triệu tập ông Võ Văn T (người ký Giấy cam kết bảo lãnh trả về việc trả nợ vay cho bà Trương Thị T) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán nợ (theo Hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn số 1-0003830 ngày 18/7/2020) cho Quỹ tín dụng nhân dân T. Do đó, Tòa án không triệu tập ông Võ Văn Thắng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Trương Thị T, tại phiên tòa ngày 16/8/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân T về việc buộc bà Trương Thị T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền tính đến ngày 13/9/2023 là 12.551.000 đồng (trong đó nợ gốc 4.571.600 đồng; lãi trong hạn 1.607.400 đồng; lãi quá hạn 5.368.000 đồng; lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 1.004.000 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Trương Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ dư nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: l-0003830/HĐTD ngày 18/7/2020; Giấy nhận nợ ngày 18/7/2020; Phiếu chi số: 100019 – LP: ANHNT ngày 18/7/2020 đã có đủ cơ sở xác định bà Trương Thị T có vay của số tiền là 50.000.000 đồng với mục đích để sắm vật dụng gia đình và hàng nội thất.

[4.2] Căn cứ Bảng tính gốc, lãi Hợp đồng tín dụng số: l-0003830/ HĐTD ngày 18/7/2020 của Quỹ tín dụng nhân dân T xác định, tính đến ngày 13/9/2023 bà Trương Thị T còn nợ tổng số tiền là 12.551.000 đồng (trong đó nợ gốc 4.571.600 đồng, lãi trong hạn 1.607.400 đồng, lãi quá hạn 5.368.000 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 1.004.000 đồng). Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Trương Thị T có vay và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng như đã nêu trên, nên yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân T được chấp nhận, nên bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 627.550 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân T.

Buộc bà Trương Thị T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 13/9/2023 là 12.551.000 (mười hai triệu năm trăm năm mươi mốt ngàn) đồng (trong đó nợ gốc 4.571.600 đồng, lãi trong hạn 1.607.400 đồng, lãi quá hạn 5. 368.000 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 1.004.000 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 14/9/2023, bà Trương Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: l-0003830/HĐTD ngày 18/7/2020; Giấy nhận nợ ngày 18/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Bà Trương Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 627.550 (sáu trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 534.150 (năm trăm ba mươi bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014869 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (TK Hà Trang)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA